

**TÒA ÁN NHÂN DÂN
HUYỆN THANH TRỊ
TỈNH SÓC TRĂNG**

**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

Bản án số: 04/2025/HNGĐ-ST

Ngày: 13-01-2025

“V/v ly hôn”

**NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
TÒA ÁN NHÂN DÂN HUYỆN THANH TRỊ, TỈNH SÓC TRĂNG**

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Bà Trần Thị Thanh Mai.

Các Hội thẩm nhân dân: Ông Huỳnh Văn Chính.

Ông Nguyễn Thanh Hải.

- Thư ký phiên tòa: Bà Lâm Huệ Chi, Thư ký Tòa án nhân dân huyện Thanh Trị, tỉnh Sóc Trăng.

- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện Thanh Trị, tỉnh Sóc Trăng tham gia phiên tòa: Bà Nguyễn Thị Minh Thư - Kiểm sát viên.

Ngày 13 tháng 01 năm 2025 tại trụ sở Tòa án nhân dân huyện Thanh Trị, tỉnh Sóc Trăng, xét xử sơ thẩm công khai vụ án thụ lý số: 233/2024/TLST-HNGĐ ngày 03 tháng 12 năm 2024, về “Ly hôn” theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số: 01/2025/QĐXXST-HNGĐ ngày 02 tháng 01 năm 2025, giữa các đương sự:

- Nguyên đơn: Ông Nguyễn Quốc K, sinh năm 1997 (có đơn xin vắng).

Địa chỉ: ấp T, xã P, huyện C, tỉnh Trà Vinh.

- Bị đơn: Bà Bùi Thị Mai X, sinh năm 1997 (có đơn xin vắng).

Địa chỉ: ấp K, xã L, huyện T, tỉnh Sóc Trăng.

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Theo đơn khởi kiện ngày 02/12/2024 và quá trình giải quyết, nguyên đơn ông Nguyễn Quốc K trình bày: Ông và bà Bùi Thị Mai X tổ chức cưới năm 2024 và đăng ký kết hôn, được UBND xã A, huyện C, tỉnh Trà Vinh cấp giấy chứng nhận kết hôn số 12/2024 ngày 22/3/2024. Sau lễ cưới, ông và bà X về sống chung với nhau được khoảng nửa tháng thì thấy không hòa hợp nên cả hai thống nhất chia tay và bà X chuyển về nhà cha mẹ ruột sống, đến nay không có con chung và không có tài sản chung, nợ chung. Ông yêu cầu giải quyết được ly hôn với bà X. Các vấn đề về con chung, tài sản chung và nợ chung thì không yêu cầu giải quyết.

Bị đơn bà Bùi Thị Mai X vắng mặt và tại biên bản ghi lời khai ngày 25/12/2024, bà X trình bày ý kiến: Bà với ông K quen biết nhau, tự nguyện kết hôn với nhau có đăng ký kết hôn và được UBND xã A, huyện C, tỉnh Trà Vinh cấp giấy chứng nhận kết hôn số 12/2024 ngày 22/03/2024. Sau khi kết hôn, vợ chồng không có tiếng nói chung nên không hạnh phúc, dẫn đến mục đích hôn nhân không đạt được, bà đã về nhà mẹ ruột ở ấp K, xã L, huyện T, tỉnh Sóc Trăng sinh sống cho đến nay không hàn gắn được tình cảm vợ chồng. Theo yêu cầu của ông K, bà đồng ý ly hôn với ông Nguyễn Quốc K. Các vấn đề con chung, tài sản chung và nợ chung thì thống nhất với ông K trình bày là vợ chồng không có con chung, tài sản chung và nợ chung.

Ý kiến của Kiểm sát viên tại phiên tòa sơ thẩm: Trong quá trình giải quyết vụ án kể từ khi thụ lý đến trước thời điểm nghị án, Hội đồng xét xử, thư ký đã thực hiện đúng theo quy định của pháp luật tố tụng dân sự. Về nội dung thì thấy bà X đồng ý ly hôn nên đề nghị Hội đồng xét xử chấp nhận yêu cầu của ông K, công nhận thuận tình ly hôn cho ông K và bà X. Về án phí đề nghị xem xét nghĩa vụ chịu án phí theo quy định tại điểm a khoản 5 Điều 27 nghị quyết số 326/2016/UBTVQH 14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban thường vụ Quốc Hội và hướng dẫn tại khoản 3 Điều 11 Nghị quyết số 01/2024/NQ-HĐTP ngày 16/5/2024 của Hội đồng thẩm phán Tòa án nhân dân tối cao. Các vấn đề khác không có yêu cầu giải quyết nên không đặt ra xem xét.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

[1] Ông K khởi kiện yêu cầu ly hôn với bị đơn có nơi cư trú tại huyện T, tỉnh Sóc Trăng nên Tòa án nhân dân huyện Thạnh Trị, tỉnh Sóc Trăng thụ lý và giải quyết là đúng theo qui định tại khoản 1 Điều 28, khoản 1 Điều 35 và điểm a khoản 1 Điều 39 Bộ luật tố tụng dân sự. Tòa án đã tổng đạt hợp lệ các văn bản tố tụng cho đương sự, nguyên đơn và bị đơn có đơn xin xét xử vắng mặt nên căn cứ khoản 1 Điều 227, khoản 1 Điều 228 Bộ luật tố tụng dân sự, Hội đồng xét xử tiến hành xét xử vụ án theo quy định.

[2] Về hôn nhân: Ông K và bà X tự nguyện kết hôn, làm thủ tục đăng ký kết hôn và được UBND xã A, huyện C, tỉnh Trà Vinh cấp giấy chứng nhận kết hôn nên xác định đây là hôn nhân hợp pháp, được pháp luật công nhận và bảo vệ. Theo quy định tại khoản 1 Điều 51 Luật hôn nhân và gia đình, ông K có quyền khởi kiện yêu cầu Tòa án giải quyết ly hôn và đến nay không có yêu cầu rút đơn khởi kiện. Xét thấy, giữa vợ chồng có nghĩa vụ thương yêu, chung thủy, tôn trọng, quan tâm, chăm sóc, giúp đỡ nhau; cùng nhau chia sẻ, thực hiện các công việc trong gia đình và sống chung với nhau nhưng thực tế giữa ông K với bà X không sống chung với nhau, bà X đồng ý ly hôn và việc đồng ý ly hôn của bà X là tự nguyện (bút lục 20). Vì vậy, theo quy định tại Điều 55 Luật hôn nhân và gia đình và hướng dẫn tại khoản 1 Điều 3 Nghị quyết số 01/2024/NQ-HĐTP ngày 16/5/2024 của HĐTP Tòa án nhân dân tối cao, Hội đồng xét xử công nhận thuận tình ly hôn giữa ông K và bà X.

[3] Về con chung: Ông K và bà X xác nhận không có con chung, không yêu cầu giải quyết nên Hội đồng xét xử không đặt ra xem xét.

[4] Tài sản chung và nợ chung: Các đương sự không yêu cầu giải quyết, Hội đồng xét xử không đặt ra xem xét.

[5] Do các đương sự thuận tình ly hôn, theo quy định điểm a khoản 5 Điều 27 nghị quyết số 326/2016/UBTVQH 14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban thường vụ Quốc Hội và hướng dẫn tại khoản 3 Điều 11 Nghị quyết số 01/2024/NQ-HĐTP ngày 16/5/2024 của HĐTP Tòa án nhân dân tối cao thì các đương sự phải chịu 50% mức án phí quy định đối với yêu cầu xin ly hôn, như vậy ông K và bà X mỗi người phải chịu 25% mức án phí quy định là 75.000 đồng.

[6] Xét đề nghị của đại diện Viện kiểm sát huyện T là có cơ sở chấp nhận.

Vì các lẽ trên;

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ khoản 1 Điều 28, điểm a khoản 1 Điều 35, điểm a khoản 1 Điều 39, khoản 1 Điều 227, khoản 1 Điều 228 Bộ luật tố tụng Dân sự; Khoản 1 Điều 51, Điều 55 Luật hôn nhân và gia đình năm 2014; Điểm a khoản 5 Điều 27 nghị quyết số 326/2016/UBTVQH 14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban thường vụ Quốc Hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí tòa án, tuyên xử:

1. Về hôn nhân: Công nhận thuận tình ly hôn giữa ông Nguyễn Quốc K và bà Bùi Thị Mai X.

2. Về con chung, tài sản chung và nợ chung: Các đương sự không yêu cầu giải quyết, Hội đồng xét xử không đặt ra xem xét.

4. Ông Nguyễn Quốc K và bà Bùi Thị Mai X mỗi người phải chịu án phí dân sự trong vụ án ly hôn là 75.000 đồng. Khấu trừ vào số tiền tạm ứng án phí đã nộp, ông Nguyễn Quốc K đã nộp xong án phí và được hoàn trả lại số tiền tạm ứng còn dư là 225.000 đồng theo biên lai thu số 0008040 ngày 02/12/2024 của Chi cục Thi hành án dân sự huyện Thanh Trì.

Các đương sự có quyền làm đơn kháng cáo trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày tuyên án, đương sự vắng mặt tại phiên tòa thì thời hạn kháng cáo tính từ ngày nhận được bản án hoặc được tổng đạt hợp lệ.

Nơi nhận:

- TAND tỉnh Sóc Trăng;
- VKSND huyện Thanh Trì;
- Chi cục THADS huyện Thanh Trì;
- UBND xã An Phú Tân, huyện Cầu Kè, tỉnh Trà Vinh;
- Các đương sự;
- Lưu hồ sơ vụ án.

**TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN – CHỦ TỌA PHIÊN TÒA**

Trần Thị Thanh Mai

HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM

Các Hội thẩm nhân dân:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa:

Huỳnh Văn Chính Nguyễn Thanh Hải

Trần Thị Thanh Mai

BIÊN BẢN NGHỊ ÁN

Vào hồi 14 giờ 50 phút, ngày 13 tháng 01 năm 2025.

Tại: Phòng nghị án – TAND huyện Thanh Trị.

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Bà Trần Thị Thanh Mai.

Các Hội thẩm nhân dân: Ông Nguyễn Thanh Hải.

Ông Huỳnh Văn Chính.

Tiến hành nghị án vụ án hôn nhân và gia đình sơ thẩm thụ lý số: 233/2024/TLST-HNGĐ ngày 03 tháng 12 năm 2024, về “Ly hôn” theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số: 01/2025/QĐXXST-HNGĐ ngày 02 tháng 01 năm 2025, giữa các đương sự:

- *Nguyên đơn:* Ông Nguyễn Quốc Khang, sinh năm 1997; Địa chỉ: ấp Tân Qui 2, xã Phú Tân, huyện Cầu Kè, tỉnh Trà Vinh.

- *Bị đơn:* Bà Bùi Thị Mai Xuân, sinh năm 1997; Địa chỉ: ấp Kiết Nhất A, xã Lâm Tân, huyện Thanh Trị, tỉnh Sóc Trăng.

Căn cứ vào tài liệu, chứng cứ đã được xem xét tại phiên tòa, kết quả tranh tụng tại phiên tòa, các quy định của pháp luật⁽⁸⁾.

**HỘI ĐỒNG XÉT XỬ THẢO LUẬN, BIỂU QUYẾT,
QUYẾT ĐỊNH CÁC VẤN ĐỀ CỦA VỤ ÁN NHƯ SAU**

Hội đồng xét xử thảo luận, biểu quyết và thống nhất ý kiến về các vấn đề như sau:

1. Về điều luật áp dụng:

- Khoản 1 Điều 28; điểm a khoản 1 Điều 35; điểm a khoản 1 Điều 39; khoản 1 Điều 227; khoản 1 Điều 228 Bộ luật tố tụng Dân sự.

- Khoản 1 Điều 51, Điều 55 Luật hôn nhân và gia đình.

- **Điểm a khoản 5 Điều 27 nghị quyết số 326/2016/UBTVQH 14** ngày 30/12/2016 của Ủy ban thường vụ Quốc Hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí tòa án.

Kết quả biểu quyết: 3/3

2. Về nội dung:

- Về hôn nhân: Công nhận thuận tình ly hôn giữa ông Nguyễn Quốc Khang và bà Bùi Thị Mai Xuân.

- Về con chung, tài sản chung và nợ chung: Các đương sự không yêu cầu giải quyết, Hội đồng xét xử không đặt ra xem xét.

Kết quả biểu quyết: 3/3

3. Về các vấn đề khác:

- Ông Nguyễn Quốc Khang và bà Bùi Thị Mai Xuân mỗi người phải chịu án phí dân sự trong vụ án ly hôn là 75.000 đồng.

Khấu trừ vào số tiền tạm ứng án phí đã nộp, ông Nguyễn Quốc Khang đã nộp xong án phí và được hoàn trả lại số tiền tạm ứng còn dư là 225.000 đồng theo biên lai thu số 0008040 ngày 02/12/2024 của Chi cục Thi hành án dân sự huyện Thanh Trì.

- Báo các đương sự biết về quyền kháng cáo theo quy định.

Kết quả biểu quyết: 3/3

Nghị án kết thúc vào hồi 15 giờ 00 phút, ngày 13 tháng 01 năm 2025.

Biên bản nghị án đã được đọc lại cho tất cả thành viên Hội đồng xét xử cùng nghe và ký tên dưới đây.

THÀNH VIÊN HỘI ĐỒNG XÉT XỬ
(Ký tên, ghi rõ họ tên)

THẨM PHÁN – CHỦ TỌA PHIÊN TÒA
(Ký tên, ghi rõ họ tên, đóng dấu)

Nguyễn Thanh Hải Huỳnh Văn Chính

Trần Thị Thanh Mai